

Liên kết phát triển kinh tế vùng trong bối cảnh toàn cầu hóa

Trần Đức Hiệp

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt: Toàn cầu hóa và các phương tiện giao thông hiện đại đã làm cho các hàng hóa được sản xuất và phân phối trên phạm vi toàn cầu thì lại được tiêu thụ ở các địa phương. Chính vì vậy, liên kết kinh tế vùng cũng đang gia tăng mạnh mẽ. Bài viết đề cập về xu hướng liên kết kinh tế vùng trong bối cảnh toàn cầu hóa như một phần đề hay thúc đẩy quá trình này.

Từ khóa: liên kết phát triển, kinh tế vùng, toàn cầu hóa,

1. Khái niệm liên kết vùng

Ngày nay dù nhìn từ góc độ địa lý thì các nhà nghiên cứu thuộc lĩnh vực này vẫn phải thừa nhận rằng liên kết vùng (regionalism) "là một trào lưu chính trị hoặc văn hóa tìm cách chính trị hóa những khẳng định trước về lãnh thổ của các vùng với mục đích bảo hộ hoặc giúp cho các lợi ích vùng". Từ cách nhìn nhận đó, các nhà địa lý học cho rằng cần đặc biệt lưu ý đến việc phân vùng chức năng trong đó nhà nước chịu trách nhiệm phân ranh giới, chẳng hạn như các vùng hành chính và các vùng kế hoạch. Bên cạnh đó, tính chất chính trị của trào lưu vùng thể hiện phổ biến bằng những tình cảm về bản sắc tập thể. Mặc dù có sự tái cấu trúc về xã hội và kinh tế địa phương nhưng các bản sắc vùng, cội nguồn của các trào lưu vùng đã chứng tỏ là không khó rèn đúc và tạo dựng. Cả những trào lưu vùng dựa vào cơ sở tộc thuộc và phi tộc thuộc xuất hiện trong thập kỷ vừa qua đặc biệt đóng vai trò cam kết vào một nền chính trị với những loại hình quản trị mới có qui mô lục địa (chẳng hạn Liên minh Châu Âu) hoặc toàn cầu, và liên quan đến nền kinh tế toàn cầu bằng cách bỏ qua các cấu trúc hình thức của Nhà nước - Dân tộc và hình thành gắn liền với các vùng toàn cầu hóa khác.

Toàn cầu hóa và các phương tiện giao thông hiện đại đã làm cho chính các sản phẩm thông tin — giống hệt những kẻ lữ hành - cũng lang thang trên mọi ngõ ngách của thế giới. Tất nhiên các hàng hóa được sản xuất và phân phối trên phạm vi toàn cầu thì lại được tiêu thụ ở các địa phương. Có một số nguyên do chính đáng để coi hiện tượng này như một nhân tố quan trọng trong việc tạo ra một phong cách sống chuẩn hóa. Chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy chẳng hạn, một tâm thức thống nhất về thời trang ở thanh niên trên toàn thế giới. Một mặt việc sử dụng bất cứ sản phẩm nào cũng đều liên quan đến hàng loạt thói quen, phong tục và thực tiễn địa phương. Vì vậy chúng ta phải luôn luôn để ý xem cách ăn, nói, sử dụng đĩa

sao cho giống hệt như những người dân địa phương sử dụng chúng từ ngàn đời nay vậy. Thực tiễn truyền thống của một vùng hoặc việc thể hiện sự quen thuộc với các dụng cụ ăn uống khác, một phương tiện biểu trưng riêng cho thực tiễn truyền thống chẳng hạn giờ đây đã không còn là của riêng của bất cứ một cộng đồng đơn lẻ nào nữa. Tương tự như vậy, trong những hệ thống xã hội quan trọng nhất như chính trị hoặc kinh tế thì người ta ngày càng nhận rõ là những nỗ lực toàn cầu nhằm cân bằng các lợi ích chính trị, luật pháp, giao dịch kinh tế, thị trường chứng khoán cũng có rất nhiều thứ liên quan đến khả năng kiểm soát và quan sát mọi sự kiện địa phương một cách thấu đáo [Hahn 2005: 88]. Tuy nhiên những đặc phẩm vùng và các cuộc xung đột trong một vùng hoặc giữa các vùng văn hóa với nhau chắc chắn vẫn là một trung tâm điểm trong chính trị học hiện đại. Người ta có thể kết luận rằng việc hiểu biết các nền văn hóa vùng trên toàn cầu phù hợp với viễn cảnh rộng lớn hơn của cái gọi là "thế giới toàn cầu". Viễn cảnh tổng quát ấy khuyến khích chúng ta quan sát mỗi vùng như một bộ phận của một cái gì đó lớn hơn hoặc như một vùng được bao quanh bởi một những thứ khác với nó.

2. Liên kết vùng có phải là một phần để của toàn cầu hóa?

Theo quan sát tinh tế của Kornelia Hahn đã cho thấy: "liên kết vùng và toàn cầu hóa là những khía cạnh thống nhất của một hiện tượng chuyển đổi xã hội duy nhất đang diễn ra". Bất cứ sự xem xét kỹ lưỡng nào về các vùng cũng cần phải bao gồm các hiện tượng được thể hiện bằng các thuật ngữ "không gian" và "địa điểm". Chẳng hạn Newsweek đã coi NY-LON (New York — London) như là một thành phố duy nhất bị chia tách một cách bất tiện bởi một đại dương". Vì vậy các cư dân của NY-LON thường phải sử dụng máy bay làm phương tiện đi lại. Điểm đặc trưng của NY-LON là nó có vai trò như một thủ lĩnh trong công

nghiệp điện ảnh, truyền hình và nhạc pop; trong việc xuất bản và trong kinh tế mới nói chung. Mọi người trên toàn thế giới tham gia vào các khu vực kinh tế này càng ngày càng chọn NY-LON làm trung tâm hoạt động của họ. Nhưng ngay cả trong bối cảnh đó thì hình ảnh NY-LON cũng vẫn bị lẫn lộn. “Thành phố” đó không thống nhất về không gian, nhưng lại thống nhất bằng “tiền”. Như một doanh nhân nổi tiếng đã nói: “Trong khuôn khổ kinh doanh của chúng ta, các thành phố đang bắt đầu tan chảy ra thành một khối tổng thể”. Đây là một loại biểu tượng của sự thống nhất. Tuy nhiên Newsweek cũng cho rằng cả hai nửa của NY-LON, New York và London “vẫn còn hoàn toàn không giống nhau về mặt tinh thần”. Chúng ta có thể phát hiện được gì từ những quan sát đó? Hahn cho rằng chừng nào các khoảng cách không gian tương đối rút ngắn lại vì những đổi mới về giao thông và các công nghệ truyền thông, thì “địa điểm” không còn phải nhất thiết được xác định bằng cách qui vào không gian nữa.

Nhận xét của Hahn đã cho thấy vùng có khả năng tồn tại bên ngoài một không gian địa lý cố định. Vậy thì chúng ta sử dụng khuôn khổ nào để định nghĩa “vùng”. Ngay cả “tinh thần” có được cảm thụ và được trải nghiệm trong một địa điểm hay không cũng có thể cần phải được xem xét. Vì vậy “tinh thần” của một vùng thường được sử dụng như một từ đồng nghĩa với “tổng thể các mục tiêu văn hóa”. Vì vậy trong các thuật ngữ khái quát nhất một vùng được tạo dựng bởi một ranh giới được làm bằng các biểu tượng không thuộc về nó. Vậy là xuất hiện hai vấn đề: những phạm trù nào được bao hàm trong bất cứ một định nghĩa nào về vùng? Những câu hỏi này phải được xem xét trong mọi phân tích về một vùng. Chúng ta cần xem xét ba giả định chung khi nghiên cứu về các vùng:

- Các vùng nên được phân chia một cách hình thức thành “bên trong” và “bên ngoài”;

- Có một mối quan hệ giao lưu ổn định giữa các vùng (giữa “bên trong” và “bên ngoài”) thông qua giao tiếp, di cư, tiêu thụ, giao dịch tài chính, ...vv.

- Vì giao lưu ổn định và sự thay đổi các đặc trưng của các vùng nên có thể rất hữu dụng khi xem xét một điểm qui chiếu địa phương hoặc không gian để tiến hành phân tích.

Vì vậy một “không gian” nào đó trở thành một “địa điểm” có ý nghĩa thông qua các tác nhân ý nghĩa qui cho nó trong suốt quá trình tương tác biểu tượng của họ. Một vùng luôn luôn là một “địa điểm” theo nghĩa đó. Khi Erving Goffman chỉ ra rằng “Một vùng có thể được xác định như bất cứ một địa điểm nào được vạch ranh giới ở một mức độ nào đó bằng các rào chắn của nhận thức” thì ông đã dựa vào các tình huống giao tiếp mặt đối mặt [Goffman 1959: 106].

Từ quan điểm đó, thật không hữu ích cho chúng ta để cứ phải tập trung vào “bên trong” “bên ngoài” khi

quan sát các vùng, nhưng lại có một sự thật là “bên ngoài” có thể tham gia vào một sự mở rộng toàn cầu. Các vùng có thể chịu ảnh hưởng bởi các mô thức văn hóa của những cư dân nhập cư trước đây, việc họ nhập khẩu các sản phẩm nước ngoài, hoặc ngay cả các kỹ thuật văn hóa xã hội được phát triển từ một xã hội ở rất xa. Việc đặt câu hỏi về vùng và trào lưu vùng có nghĩa là đặt đối lập các đặc trưng của cấu trúc xã hội một vùng với các đặc trưng của môi trường xung quanh. Vì vậy liên kết vùng là thuộc về một mối quan tâm đặc biệt đối với các nhà khoa học xã hội vì nó bao gồm cả những tương tác xã hội trong một cấu trúc xã hội nhất định thường được khai thác gắn liền với một điểm qui chiếu địa phương. Trong bối cảnh đó, “toàn cầu hóa” được đặt vào một phía, còn “địa phương hóa” thì đặt ở phía khác.

“Toàn cầu hóa” có thể được đặc trưng như một sự mở rộng không gian hợp tác toàn thế giới về kinh tế, chính trị, tiêu thụ, sản xuất, và phân công lao động. Toàn cầu hóa chứa đựng rủi ro sinh thái toàn cầu và cả những hậu quả không thể lường trước được [Beck 1997]. Định nghĩa này được sự ủng hộ của các công nghệ mới về các hệ thống giao thông và truyền thông cũng như sự phát sinh của các “thành phố toàn cầu” như những trung tâm đầu tư, truyền thông và phân phối quốc tế [Pries 1996: 456-472]. Người ta có thể không còn được thấy các xã hội và các văn hóa trong khuôn khổ của các ranh giới nhà nước dân tộc. Quá trình phát triển mới cắt qua các hệ thống chính trị xã hội cũ và có thể tạo nên các vùng siêu dân tộc và hạ dân tộc. Chúng ta cũng đang được chứng kiến một quá trình tan rã của các rào cản thời gian và không gian trong truyền thông, và quá trình phân ly của thời gian và không gian ấy đã tác động to lớn đến các mối tương tác xã hội. Giờ đây các mối quan hệ xã hội đã được nhìn thấy trong ánh sáng của các đầu vào liên tục của ngoại (các cộng đồng địa phương bên ngoài) thông tin, tri thức và các giới hạn. Tuy nhiên, “đồng thời khi các mối quan hệ xã hội bắt đầu trải rộng theo nghĩa đen và như một phần của quá trình đó chúng ta được chứng kiến sự củng cố của các sức ép đối với quyền tự trị địa phương và các bản sắc văn hóa vùng” [Giddens 1990: 65]. Kết quả là đời sống xã hội trong vùng phải chịu ảnh hưởng bởi sự tăng cường của các mối quan hệ toàn thế giới và được tạo bởi các sự kiện xảy ra từ các vùng rất xa nhau. Vì vậy giờ đây quá trình này được mô tả là “toàn cầu hóa” [Robertson 1992], nó nhấn mạnh nhiều hơn vào tính chất chung của các thay đổi liên quan đến cả cấu trúc địa phương cũng như toàn cầu.

3. Phát triển liên kết vùng kinh tế xuyên quốc gia

Theo Douglass [1998], khung lý thuyết phát triển vùng xuyên quốc gia gồm sáu nhân tố: i) bổ sung lợi thế kinh tế nhằm khắc phục những khác biệt về mức độ phong phú của các nguồn thiên nhiên và các yếu

tổ thiên phú; ii) khai thác lợi thế gần kề về địa lý nhằm tối thiểu hoá các chi phí giao dịch, chi phí vận tải và tận dụng được các tương đồng văn hoá và ngôn ngữ; iii) tận dụng các cam kết chính trị và thiện chí của các quốc gia thành viên trong đàm phán cấp cao; iv) điều phối chính sách, đặc biệt là hàng rào thuế quan, quy định về việc làm, bất động sản, tài chính, đầu tư nước ngoài và tỷ giá hối đoái; v) phát triển hạ tầng cơ sở giao thông, hải quan, kho bãi, cảng biển; vi) tối thiểu hoá các chi phí khởi động bằng cách tận dụng các hạ tầng vật chất đã có của mỗi quốc gia thành viên; và vii) các vùng xuyên biên giới không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn nhằm đạt được mục tiêu tăng cường hợp tác, ổn định chính trị, phát triển xã hội, và đặc biệt là phát triển các nguồn nhân lực cho vùng.

Việc sáng tạo ra các vùng xuyên biên giới được thể hiện bằng các tam giác tăng trưởng và những loại hình hợp tác khác của các khu vực cắt qua các biên giới quốc gia là điểm nổi bật của Châu Á đặc biệt là trong những năm 1990. Hiện nay có một số vùng như vậy do chính phủ đỡ đầu đang hoạt động: 1) Chương trình Phát triển Khu vực sông Tumen (Tumen River Area Development Program (Russia, China, North Korea, South Korea, Japan); 2) Tam giác Tăng trưởng Nam Trung Quốc - Southern China Growth Triangle (Hồng Kông, Đài Bắc, Quảng Đông, và Phúc kiến); 3) Tiểu vùng Mê Kông Mở rộng (Greater Mekong Subregion hoặc GMS bao gồm các vùng ở Việt Nam, Laos, Cambodia, Thailand); 4) Tam giác Tăng trưởng Singapore-Johor- Riau Growth Triangle (Singapore, Malaysia and Indonesia); 5) Tam giác Tăng trưởng Campuchia - Lào - Việt Nam; 6) Khu vực Tăng trưởng Đông ASEAN (the Brunei Darussalam-Indonesia-Malaysia-Philippines (BIMP) East ASEAN Growth Area (EAGA) [Phạm Văn Linh 2001].

Douglass cho rằng các vùng kinh tế xuyên biên giới bao gồm các địa điểm đã từng chứng kiến những xung đột chính trị và ý thức hệ trầm trọng trong những năm vừa qua giờ đây đã trở thành những khu vực tích hợp và hợp tác kinh tế quốc tế. Việc giám căng thẳng chính trị có thể giải thích một phần cho việc hình thành các hợp tác vùng đang được nhen nhóm lại. Tang và Thant [1994] đã cho rằng yếu tố ấy đang phát triển cùng với những nguyên do truyền thống trong hợp tác vùng ở Châu Á chẳng hạn như việc tăng các lợi thế qui mô kinh tế, việc khai thác các yếu tố bổ sung trong sản xuất và việc mở rộng qui mô thị trường. Các vùng xuyên biên giới là cái mà Douglass [1998] gọi là các "không gian xuyên quốc gia" mới xuất hiện, một thuật ngữ của bộ môn địa lý được tách ra khỏi những qui định thông thường của nhà nước dân tộc bằng sự phân biệt các cấp độ. Các loại hình không gian xuyên dân tộc cổ điển hơn ấy bao gồm cả các khu chế xuất EPZs (Export Processing Zones) hoặc các khu vực cảng tự do. Trong khi cả hai hình thức đều khai thác tính di động quốc tế của vốn và chi phí

so sánh lao động thấp thì vẫn có những khác biệt cơ bản về các đặc điểm của một tam giác tăng trưởng hoặc các vùng xuyên biên giới so với các EPZs. Trước hết đó là sự tham gia của một vài quốc gia so với EPZs chỉ có một quốc gia thực hiện. Thứ hai, có hàng loạt hoạt động đa dạng từ kinh tế (kể cả du lịch) đến văn hoá, thậm chí cả giáo dục nữa so với EPZs chỉ gia công hàng là chính. Thứ ba, có sự điều phối chính sách phức hợp hơn nhiều so với điều phối chính sách tại EPZs/.

Tài liệu tham khảo

Douglass, Mike 1998. Globalization, Inter-City Network and Rural Urban Linkages: Rethinking Regional Development Theory and Policy. Paper presented at the UNCRD sponsored Global Forum on Regional Development Policy, 1-4 December, Nagoya, Japan.

Goldstein, Sidney 1994. Demographic Issues and Data Needs for Megacity Research. In Megacity Growth and the Future, Roland Fuchs, Ellen Brennan, Joseph Chamie, Fu-chen Lo and Juha Uitto (eds.) United Nations University Press, Tokyo, New York, Paris.

Mercado R.G. 2003. Regional Development in the Philippines: A Review of Experience, State of the Art and Agenda for Research and Action. Philippines Institute for Development Studies — Discussion Paper Series No. 2002 — 2003.

Phạm Văn Linh 2001. Các khu kinh tế cửa khẩu biên giới Việt — Trung và tác động của nó tới sự phát triển kinh tế hàng hoá ở Việt Nam (Sách tham khảo). Nxb. Chính trị Quốc gia.

Porter, Michael 1998. On Competition. Boston: Harvard Business School Press.

Simon, D. 1995. The World City Hypothesis: Reflections From the Periphery. In World Cities in a World System, ibid.

UN, Division for Sustainable Development. 1995. Indicators of Sustainable Development: Guidelines and Methodology (Approved by the Commission on Sustainable Development at its Third Session in 1995).

Williamson J.G. 1991. The Macroeconomic Dimensions of City Growth in Developing Countries: Past, Present and Future. In Proceedings of the World Bank Annual Conference on Development Economics, 1991, 1992, pp. 241-266.